

DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP BỒI DƯỠNG
KIẾN THỨC QLNN CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN VIÊN CHÍNH NĂM 2019
(Đính kèm Công văn số /SNV-CCHC ngày / /2019 của Sở Nội vụ)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Lương hiện hưởng			Thời gian giữ ngạch (năm)
					Mã ngạch	Bậc	Hệ số	
1	Lê Công Cường	22/3/1977	Ủy viên	Ủy ban kiểm tra Tỉnh uỷ	04.024	1	4,40	1
2	Phạm Xuân Hoan	1/6/1975	Phó phòng Nghiệp vụ 2	Ủy ban kiểm tra Tỉnh uỷ	04.024	1	4,40	2
3	Nguyễn Nguyên Lực	30/6/1975	Phó chánh văn phòng	Văn phòng Tỉnh uỷ	01.002	2	4,74	1
4	Nguyễn Thị Nga	17/8/1976	Phó phòng Nghiệp vụ 4	Ủy ban kiểm tra Tỉnh uỷ	04.024	1	4,40	2
5	Hồ Quốc Long	1/11/1975	Trưởng phòng	Ban Nội chính Tỉnh uỷ	01.002	2	4,74	8
6	Nguyễn Thị Hồng Minh	21/9/1981	Phó Trưởng Ban Tuyên giáo	Đảng uỷ khối các cơ quan tỉnh	01.003	5	3,66	3
7	Trần Thị Thuý	10/1/1977	Ủy viên Ủy ban kiểm tra	Đảng uỷ khối các cơ quan tỉnh	01.003	5	3,66	11
8	Phạm Thị Xuân Ngọc	28/01/1983	Phó Trưởng phòng Hành chính-Tổ chức	Văn phòng UBND tỉnh	01.003	3	3,33	11
9	Hoàng Thị Thanh Huyền	22/3/1982	Trưởng phòng Trung tâm Tin học-Công báo	Văn phòng UBND tỉnh	01.003	4	3,33	10
10	Trần Thùy Duyên	17/02/1979	Chuyên viên Trung tâm HCC	Văn phòng UBND tỉnh	01.003	5	3,66	12
11	Đinh Thị Hương Giang	29/8/1982	Chuyên viên phòng Văn xã	Văn phòng UBND tỉnh	01.003	3	3,00	9
12	Đỗ Thị Minh Huệ	15/5/1974	Chuyên viên	Sở Nội vụ	01.003	6	3,99	6
13	Hoàng Nhật Lân	02/02/1981	Phó Trưởng phòng Tổ chức - Pháp chế	Sở Văn hoá và Thể thao	01.003	5	3,66	14
14	Nguyễn Thị Lệ Nhung	02/01/1983	Thanh tra viên	Sở Văn hoá và Thể thao	04.025	3	3,33	7
15	Bùi Ngọc Thành	20/12/1978	Chuyên viên phòng Người có công	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	01.003	5	3,66	10
16	Nguyễn Thanh Chương	7/20/1977	Giám đốc Trung tâm Bảo trợ xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	01.003	5	3,66	7
17	Ngô Văn Hoá	29/05/1980	Phó Giám đốc TT Chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	01.003	3	3,00	8

Ưng

Kh

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Lương hiện hưởng			Thời gian giữ ngạch (năm)
					Mã ngạch	Bậc	Hệ số	
18	Nguyễn Cao Cường	10/11/1980	Chuyên viên phòng Đào tạo nghề	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	01.003	5	3,66	14
19	Hoàng Thị Phi Nga	29/11/1975	Phó Chánh Thanh tra	Sở Nông nghiệp và PTNT	04.025	5	3,66	15
20	Lê Thanh Phong	16/6/1972	Trưởng phòng Chi cục Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và PTNT	01.003	7	4,32	20
21	Đặng Thị Huệ	04/11/1973	Phó Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Sở Nông nghiệp và PTNT	09.316	7	4,32	20
22	Nguyễn Đình Lâm	27/2/1981	Thanh tra viên	Sở Tài chính	04.025	4	3,33	7
23	Lê Thị Minh Phúc	30/7/1984	Trưởng phòng Trung tâm Tin học	Sở Tài chính	01.003	4	3,33	7
24	Trần Thị Hoa Lý	22/02/1979	Phó Chánh Văn phòng	Sở Thông tin và Truyền thông	01.003	6	3,99	17
25	Trần Diễm Phúc	7/10/1984	Phó Trưởng phòng Công nghệ thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	01.003	4	3,33	10
26	Đình Duy Trung	24/8/1983	Phó Trưởng phòng TH-QH	Sở Kế hoạch và Đầu tư	01.003	4	3,33	10
27	Nguyễn Hữu Tuyến	15/03/1981	Thanh tra viên	Sở Kế hoạch và Đầu tư	04.025	4	3,33	7
28	Trần Thành Long	4/2/1978	Phó Trưởng phòng QL Tiêu chuẩn Chất lượng, Chi cục Tiêu chuẩn ĐLCL	Sở Khoa học và Công nghệ	01.003	5	3,66	6
29	Nguyễn Đại Trường	19/8/1980	Phó Trưởng phòng TCCB	Sở Giáo dục và Đào tạo	01.003	7	4,32	18
30	Nguyễn Thị Kim Oanh	20/10/1970	Chánh Thanh Tra	Sở Giáo dục và Đào tạo	04.025	9	4,98	6
31	Dương Hoài Phương	10/10/1972	Chuyên viên	Sở Giáo dục và Đào tạo	01.003	8	4,86	20
32	Phan Thanh Vĩnh	20/11/1978	Trưởng phòng KT-TĐ Ban QLDA ĐTXT CTGT	Sở Giao thông vận tải	13.095	5	3,66	12
33	Phan Văn Hải	20/11/1971	Phó Chánh Thanh tra	Sở Tài nguyên và Môi trường	04.025	7	4,32	19
34	Đoàn Trung Thành	23/1/1973	Phó Giám đốc Trung tâm PTQĐ	Sở Tài nguyên và Môi trường	01.003	7	4,32	18
35	Trần Văn Đông	21/3/1965	Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ Dược	Sở Y tế	01.003	9	4,98	25
36	Trần Văn Lê	10/1/1987	Phó Trưởng phòng Chi cục ATVSTP	Sở Y tế	01.003	3	3,00	7
37	Nguyễn Văn Cường	27/10/1986	Phó Trưởng phòng Chi cục ATVSTP	Sở Y tế	01.003	3	3,00	7
38	Lê Tiến Dũng	2/9/1973	Phó Trưởng ban thường trực	Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	01.002	3	5,08	7
39	Nguyễn Cảnh Trúc	14/11/1975	Phó Trưởng VP Văn phòng Đại diện tại KKT Hòn La	Ban Quản lý Khu kinh tế	01.003	7	4,32	7
40	Nguyễn Ngọc Quyền	15/6/1981	Chuyên viên phòng Quản lý QH&XD	Ban Quản lý Khu kinh tế	01.003	4	3,33	5
41	Nguyễn Hoàng Vũ	12/13/1984	Trưởng Phòng Tổ chức-Hành chính	Trường Cao đẳng nghề Quảng Bình	01.003	4	3,33	13

Handwritten signature

Handwritten mark

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Lương hiện hưởng			Thời gian giữ ngạch (năm)
					Mã ngạch	Bậc	Hệ số	
42	Trần Minh Văn	28/5/1978	Trưởng phòng Báo điện tử	Báo Quảng Bình	V.11.01.03	5	3,66	13
43	Hoàng Hữu Huệ	20/02/1977	Phó Chánh Văn phòng huyện uỷ	Huyện uỷ Bố Trạch	01.003	7	4,32	11
44	Nguyễn Thị Bé	15/10/1970	Phó Chủ tịch Hội LHPN	Huyện uỷ Bố Trạch	01.003	8	4,65	10
45	Phan Đức Thịnh	15/5/1968	HUV, Chủ tịch LĐLĐ	Huyện uỷ Bố Trạch	01.003	7	4,32	11
46	Đình Thị Minh Thu	27/7/1973	Phó Giám đốc	TT bồi dưỡng chính trị Minh Hóa	01.003	6	3,99	14
47	Cao Trường Sơn	23/10/1974	Phó Tổng Biên tập	Báo Quảng Bình	V.11.01.03	7	4,32	22
48	Nguyễn Thị Thu Hiền	20/11/1973	Trưởng phòng PV VHXXH	Báo Quảng Bình	V.11.02.06	8	4,65	21
49	Võ Văn Tiến	25/9/1972	Phó Chủ tịch LĐLĐ tỉnh	Liên đoàn lao động tỉnh	01.002	3	5,08	6
50	Trần Thị Thanh Huyền	17/1/1984	Phó chủ tịch CĐ ngành Nông nghiệp và PTNT	Liên đoàn lao động tỉnh	01.003	3	3,00	10
51	Phạm Văn Việt	24/10/1978	Phó Trưởng phòng Nghiên cứu khoa học-Thông tin-Tư liệu	Trường Chính trị tỉnh	17.170	4	3,33	8
52	Nguyễn Thị Lê Na	07/11/1975	Tổng biên tập Tạp chí Nhật Lệ	Hội Văn học Nghệ thuật	01.003	7	4,32	20
53	Phạm Đức Thái	16/11/1974	Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Môi trường			6,31	
54	Mai Thị Nhân	15/12/1972	TUV, Chủ tịch Hội LHPN	Thành uỷ Đồng Hới	01.002	2	4,74	4
55	Ngô Đức Song	18/11/1967	Chuyên viên	Văn phòng Thành uỷ	01.003	4	3,33	9
56	Trần Thị Ngọc Trâm	28/5/1984	Trưởng phòng TN&MT	UBND huyện Lệ Thủy	01.003	4	3,33	8
57	Nguyễn Xuân Dũng	26/10/1981	Phó Trưởng phòng Nội vụ	UBND huyện Lệ Thủy	01.003	5	3,66	15
58	Nguyễn Xuân Tinh	20/9/1963	Trưởng phòng VH & TT	UBND huyện Tuyên Hoá	01.003	9	4,98	12
59	Mai Xuân Minh	18/11/1973	Phó Trưởng phòng GD & ĐT	UBND huyện Tuyên Hoá	01.003	8	4,65	8
60	Trần Văn Sự	07/5/1972	Trưởng ban BQL các CTCC	UBND huyện Tuyên Hoá	01.003	4	3,33	11
61	Nguyễn Văn Tứ	01/3/1981	Chánh Văn phòng HĐND-UBND	UBND huyện Bố Trạch	01.003	6	3,99	14
62	Lưu Đức Ngọc	29/11/1978	Phó Trưởng phòng Tài nguyên & MT	UBND huyện Bố Trạch	01.003	5	3,66	13
63	Nguyễn Xuân Hưng	1/7/1972	Phó Chánh thanh tra phụ trách phòng Thanh tra	UBND thị xã Ba Đồn	04.025	4	3,33	8
64	Đình Nguyên Lượng	03/8/1972	Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất	UBND thị xã Ba Đồn	V.06.01.02	7	4,32	9
65	Trần Văn Định	02/10/1965	Trưởng phòng NN-PTNT	UBND huyện Quảng Trạch	01.003	9	4,98	13
66	Phạm Minh Cảnh	30/11/1978	Trưởng phòng TN-MT	UBND huyện Quảng Trạch	01.003	4	3,33	10
67	Đình Thị Ngọc Lê	24/6/1981	Phó Trưởng ban Tuyên giáo	Huyện uỷ Minh Hoá	01.003	5	3,66	13
68	Nguyễn Hữu Dân	28/9/1969	Phó Chánh Thanh tra huyện	UBND huyện Quảng Ninh	04.025	9	4,98	11
69	Trần Đức Thuận	20/5/1972	Phó Trưởng phòng NN và PTNT	UBND huyện Quảng Ninh	01.003	7	4,32	20

(Handwritten signature)

(Handwritten mark)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ/chức danh	Đơn vị công tác	Lương hiện hưởng			Thời gian giữ ngạch (năm)
					Mã ngạch	Bậc	Hệ số	
70	Phan Thị Hồng Hải	22/11/1984	Phó Trưởng phòng Nội vụ	UBND huyện Quảng Ninh	01.003	4	3,33	9
71	Đặng Văn Bình	15/9/1969	Trưởng Ban Tổ chức	Huyện uỷ Quảng Ninh	01.003	6	3,99	16
72	Đào Thị Lan Anh	11/4/1980	Phó CVP HĐND&UBND	UBND huyện Quảng Ninh	01.003	5	3,66	14
73	Trương Ngọc Quý	4/5/1977	Trưởng ban Ban QLDAXD	UBND huyện Quảng Ninh	01.003	6	3,99	13
74	Lê Thanh Cường	17/11/1977	Phó Trưởng phòng LĐ-TB&XH	UBND huyện Quảng Ninh	01.003	6	3,99	9
75	Đinh Thị Kim Loan	16/10/1981	Phó Trưởng ban Kinh tế-XH	UBND huyện Minh Hóa	01.003	4	3,33	13

Handwritten signature

Handwritten mark